

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Trạch

Bà Hoàng Thị Hiệu

-Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị L, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/9/2022, biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương từ tháng 10/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống vợ chồng tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi chung sống với nhau đến nay cũng chưa đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến

khoảng năm 2020 thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp trong cách suy nghĩ, chị và anh Nông Văn Đ cãi chửi nhau thường xuyên và đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nông Văn Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005. Hiện nay đang sống cùng anh Nông Văn Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Nông Văn Đ trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con vì đi làm thu nhập thấp, khoảng 4.000.000 đồng/tháng, chị cũng chưa có chỗ ở ổn định. Anh Nông Văn Đ có chỗ ở ổn định, cháu Nông Văn K từ khi ly thân sống với bố phát triển bình thường, có ông bà nội hỗ trợ chăm sóc con cho anh Nông Văn Đ.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2022, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nông Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận việc tìm hiểu, kết hôn đúng như chị Phương Thị L vừa trình bày. Anh và chị Phương Thị L chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhưng không đi đăng ký kết hôn do không hiểu biết và khi chung sống chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, không có gì to tát. Đầu năm 2021 chị Phương Thị L và anh bàn bạc chị đi làm ăn xa, kiếm tiền, tuy không về được nhưng anh chị vẫn liên lạc trao đổi qua điện thoại. Đến tháng 7/2022 thì chị Loan về nhà hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường, thời gian chị Loan đi làm ăn thì anh chị có mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh rượu chè, cờ bạc dẫn đến hai vợ chồng cãi chửi nhau. Tại phiên tòa anh khẳng định là còn tình cảm với chị Phương Thị L, chị Phương Thị L xin ly hôn anh không nhất trí, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh thừa nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005, hiện nay đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Phương Thị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm lái xe, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên vẫn đảm bảo nuôi con, anh và cháu Nông Văn K vẫn có chỗ ở ổn định, cháu cũng đã tự lập để nuôi sống bản thân mình. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 12/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L thể hiện: Từ năm 2005 đến nay, xác định chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Biên bản lấy lời khai cháu Nông Văn K ngày 04/10/2022: Cháu hiện nay đang ở với bố cháu là Nông Văn Đ và ông bà nội cháu là Nông Văn B và Nông Thị T tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cháu không đi học được khoảng 01 năm nay. Do cháu lớn nên cháu tự chăm sóc được bản thân. Nếu bố mẹ cháu

ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu là Nông Văn Đ. Đây là cháu tự nguyện nói, không ai ép buộc cháu phải khai như vậy.

Biên bản làm việc với trưởng thôn N, xã T: Cháu Nông Văn K hiện nay đang sống cùng bố là Nông Văn Đ, mặc dù chưa đủ 18 tuổi nhưng cháu đã không học nữa, đã tự lập tự nuôi sống bản thân.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, trình tự thụ lý và thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93, Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ. Về con chung: Chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ có 01 người con chung là Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005, từ khi ly thân cháu sống với anh Nông Văn Đ, chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ đều nhất trí khi ly hôn anh Nông Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, cháu Nông Văn K từ khi ly thân được anh Nông Văn Đ chăm sóc đầy đủ, vẫn ổn định cuộc sống và cháu cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với bố, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Nông Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Phương Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Mặc dù chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, nhưng trên thực tế đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và có một người con chung.

Do đó, chị Phương Thị L có quyền yêu cầu ly hôn anh Nông Văn Đ theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình và Gia đình; Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Do chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ chưa được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình và Gia đình.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn Đ cư trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy theo như lời khai của nguyên đơn, bị đơn và biên bản xác minh ngày 12/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L nơi thường trú của hai người từ năm 2005 đến nay, xác định chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ.

[5] Về con chung: Chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ có 01 người con chung là Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005, từ khi ly thân cháu sống với anh Nông Văn Đ, chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ đều nhất trí khi ly hôn anh Nông Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, cháu Nông Văn K từ khi ly thân được anh Nông Văn Đ chăm sóc đầy đủ, vẫn ổn định cuộc sống và cháu cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với bố. Do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao con chung là cháu Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005 cho anh Nông Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho cháu. Chị Phương Thị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Nông Văn Đ chưa yêu cầu. Chị Phương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết; nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Phương Thị L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xác nhận chị Phương Thị L đã nộp đủ.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phương Thị L và anh Nông Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Văn K, sinh ngày 08/10/2005 cho anh Nông Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Phương Thị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nông Văn Đ chưa yêu cầu.

Chị Phương Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Phương Thị L đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005178 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình;
- Chi cục THA DS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thanh Long

